

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN
**CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

Số: 586 /CCQLCL-QLCLCBTMNS
V/v thông báo quy định có hiệu lực về an toàn
thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS)
của Thành viên WTO từ ngày 01/9-15/9/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 10 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên;
- Hội Chè tỉnh Thái Nguyên;
- Hội Chăn nuôi - Thú y Thái Nguyên;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm sản.

Thực hiện Thông báo số 710/TB-SPS-BNNMT ngày 16/9/2026 của Văn phòng SPS Việt Nam về tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/9-15/9/2026.

Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản gửi đến các đơn vị 13 thông báo có hiệu lực của các thị trường: Liên minh châu Âu, Bra-xin, Cộng đồng Đông Phi, Thụy Sĩ, Gru-di-a, Nhật Bản, Cộng hòa Kê-ni-a. Đề nghị Hội Chè tỉnh Thái Nguyên; Hội Chăn nuôi - Thú y Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân các xã, phường thông báo tới các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm sản biết và thực hiện; Trung tâm Khuyến nông phối hợp đăng tải thông tin trên Website của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(Gửi kèm Thông báo số 710/TB-SPS-BNNMT ngày 16/9/2026 của Văn phòng SPS Việt Nam và nội dung chi tiết các thông báo tại Phụ lục kèm theo)

Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản gửi các đơn vị, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, QLCLCBTMNS.



CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Thị Quỳnh Hương

Phụ lục: **DANH SÁCH THÔNG BÁO QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) TỪ NGÀY 01/9-15/9/2026**

(Kèm theo Công văn số: 586 /CCLQLC-QLCLCBTMNS ngày 02/10/2026 của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tỉnh Thái Nguyên)

1. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/EU/967	CNTY	Liên minh châu Âu	15/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định về việc gia hạn cấp phép đối với taurine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định về việc gia hạn cấp phép đối với taurine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật. Theo đó, Quy định (EU) 2026/1859 gia hạn cấp phép chế phẩm taurine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho động vật thuộc họ Chó (Canidae), họ Mèo (Felidae), họ Chồn (Mustelidae), cá vây tia ăn thịt và các loài thủy sinh ăn thịt khác. Taurine thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng, nhóm chức năng vitamin, tiền vitamin và các chất có cấu trúc hóa học xác định có tác dụng tương tự. Chế phẩm được cấp phép chứa tối thiểu 97% taurine. Quy định mức hàm lượng tối đa trong thức ăn hoàn chỉnh có độ ẩm 12% là 2.000 mg/kg đối với động vật họ Chó và họ Chồn; 25.000 mg/kg đối với cá vây tia ăn thịt và các loài thủy sinh ăn thịt khác, trừ động vật có vú. Đối với động vật họ Mèo, taurine cũng được phép sử dụng qua nước uống. Ngoài ra, người thao tác trực tiếp với phụ gia và premix bắt buộc phải sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp cá nhân. Quy định đồng thời bãi bỏ Quy định thực thi (EU) 2015/722 và quy định các biện pháp chuyển tiếp đối với phụ gia, premix và thức ăn đã được sản xuất, ghi nhãn theo quy định trước đây. Cụ thể, được phép lưu hành đến khi hết tồn kho nếu sản xuất trước ngày 19/02/2027 đối với phụ gia/premix; và trước ngày 19/8/2027 hoặc 19/8/2028 đối với thức ăn tùy vào đối tượng vật nuôi.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định được thông qua ngày 29/7/2026, công bố ngày 30/7/2026 và có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.
2	G/SPS/N/EU/966	CNTY	Liên minh châu Âu	15/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định về việc cấp phép eugenol và trans-anethole làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm và chim cảnh.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định về việc cấp phép eugenol và trans-anethole làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm và chim cảnh. Theo đó, Quy định (EU) 2026/1811 cấp phép trong thời hạn 10 năm đối với eugenol được chiết xuất từ lá đinh hương khô hoặc dầu lá đinh hương để sử dụng cho gia cầm và chim cảnh, trans-anethole được sản xuất bằng phương pháp tổng hợp hóa học để sử dụng cho gia cầm và trans-anethole được chiết xuất từ lá hoặc quả hồi (<i>Illicium verum</i>) để sử dụng cho gia cầm và chim cảnh. Đồng thời, EU gia hạn việc sử dụng trans-anethole được sản xuất bằng phương pháp tổng hợp hóa học đối với chim cảnh và sửa đổi điều kiện cấp phép đối với trans-anethole có nguồn gốc từ dầu thông. Các chất trên thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Đối với eugenol và các dạng trans-anethole được cấp phép theo Quy định này, hàm lượng tối đa được quy định ở mức 25 mg hoạt chất/kg thức ăn hoàn chỉnh có độ ẩm 12%. Các phụ gia và hỗn hợp trộn sẵn được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 16/02/2027 theo quy định cũ vẫn được phép lưu hành đến khi hết tồn kho. Thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu chứa các phụ gia này được phép tiếp tục lưu hành đến khi hết tồn kho nếu được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 16/8/2027 (đối với động vật cung cấp thực phẩm) hoặc trước ngày 16/8/2028 (đối với động

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						vật không cung cấp thực phẩm). Quy định được thông qua ngày 24/7/2026, công bố ngày 27/7/2026 và có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.
3	G/SPS/N/BRA/2489/Add.1	BYT	Bra-xin	14/9/2026	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 465 về việc bổ sung chuyên luận của hoạt chất S26 - SYZYGIUM AROMATICUM đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 465 về việc bổ sung chuyên luận của hoạt chất S26 - SYZYGIUM AROMATICUM đối với danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Dự thảo trước đó đã được thông báo tại số G/SPS/N/BRA/2489 ngày 12/5/2026. Quy định có hiệu lực kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 13/11/2026.
4	G/SPS/N/BRA/2385/Add.1	ATTP	Bra-xin	14/9/2026	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 463 ngày 05/8/2026 về việc sửa đổi mức giới hạn tối đa cho phép đối với độc tố vi nấm trong thực phẩm.	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 463 ngày 05/8/2026 về việc sửa đổi mức giới hạn tối đa cho phép đối với độc tố vi nấm trong thực phẩm. Cụ thể, Bra-xin sửa đổi Hướng dẫn quy phạm số 160 ngày 01/7/2022 về mức giới hạn tối đa dư lượng (Limites máximos tolerados - LMT) của các chất ô nhiễm trong thực phẩm. Bản dự thảo trước đó mang số 1.311 ngày 25/02/2025 đã được thông báo tại số G/SPS/N/BRA/2385 ngày 07/3/2026. Cụ thể, quy định sửa đổi danh mục mức giới hạn tối đa đối với độc tố vi nấm (mycotoxins), gồm: Aflatoxin M1 trong sữa dạng lỏng ở mức 0,5 µg/L; tổng Aflatoxin B1 + B2 + G1 + G2 ở mức 15 µg/kg đối với lạc; 15 µg/kg

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						đối với hạt ngô nguyên hạt, vỡ, nghiền hoặc xay để tiếp tục chế biến, trừ ngô dùng để nghiền ướt; 20 µg/kg đối với ngô dùng để nghiền ướt; và 10 µg/kg đối với bột ngô, semolina và ngô dạng mảnh. Quy định đồng thời sửa đổi cách phân nhóm đối với lạc và ngô; trong đó các sản phẩm từ lạc được gộp chung vào nhóm “Lạc”, còn nhóm ngô được phân loại cụ thể theo mục đích chế biến. Quy định có hiệu lực kể từ ngày công bố và dành 180 ngày kể từ ngày có hiệu lực để các đối tượng liên quan thích ứng các yêu cầu mới. Thời hạn góp ý trước ngày 13/11/2026.
5	G/SPS/N/BDI/132/Add.1 ²	TTBVT	Cộng đồng Đông Phi	14/9/2026	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1265:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống đậu Hà Lan.	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1265:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống đậu Hà Lan. Dự thảo DEAS 1265:2025 đã được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/BDI/132 , G/SPS/N/KEN/335,G/SPS/N/RWA/125,G/SPS/N/TZA /453 và G/SPS/N/UGA/442, đã được thông qua và công bố tại Công báo EAC số EAC/177/2026 ngày 30/6/2026. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu chứng nhận đối với việc sản xuất hạt giống đậu Hà Lan (<i>Pisum sativum</i>) ở các cấp độ: giống siêu nguyên chủng (pre-basic), nguyên chủng (basic), cấp xác nhận (certified) và hạt giống tiêu chuẩn (standard seed). Cụ thể, tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu đối với: các giống đủ điều kiện; tiêu chuẩn đồng ruộng và công tác kiểm tra đồng ruộng; lấy mẫu hạt giống và các yêu cầu phòng thí nghiệm; các loại giấy chứng nhận, đóng gói và ghi nhãn; thử nghiệm hậu kiểm (post-control tests).

² G/SPS/N/BDI/132/Add.1, G/SPS/N/KEN/335/Add.1, G/SPS/N/RWA/125/Add.1, G/SPS/N/TZA/453/Add.1, G/SPS/N/UGA/442/Add.1

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
6	G/SPS/N/BDI/131/Add.1 ³	TTBVT	Cộng đồng Đông Phi	14/9/2026	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1264-1:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống rau thuộc họ bầu bí.	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1264-1:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống rau thuộc họ bầu bí. Dự thảo DEAS 1264-1:2025 đã được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/BDI/131, G/SPS/N/KEN/334, G/SPS/N/RWA/124, G/SPS/N/TZA/452 và G/SPS/N/UGA/441, đã được thông qua và công bố tại Công báo EAC số EAC/177/2026 ngày 30/6/2026. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống các loại cây rau họ bầu bí ở các cấp độ: giống siêu nguyên chủng (pre-basic), nguyên chủng (basic) và cấp xác nhận (certified). Cụ thể, tiêu chuẩn bao gồm các quy định đối với: các giống đủ điều kiện; tiêu chuẩn đồng ruộng và kiểm tra đồng ruộng; lấy mẫu hạt giống và tiêu chuẩn phòng thí nghiệm; các loại giấy chứng nhận, đóng gói và ghi nhãn; thử nghiệm hậu kiểm (post-control tests).
7	G/SPS/N/BDI/130/Add.1 ⁴	TTBVT	Cộng đồng Đông Phi	14/9/2026	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1263:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống khoai lang.	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1263:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống khoai lang. Dự thảo DEAS 1263:2025 đã được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/BDI/130, G/SPS/N/KEN/333, G/SPS/N/RWA/123, G/SPS/N/TZA/450 và G/SPS/N/UGA/440, đã được thông qua và công bố tại Công báo EAC số EAC/177/2026 ngày 30/6/2026.

³ G/SPS/N/BDI/131/Add.1, G/SPS/N/KEN/334/Add.1, G/SPS/N/RWA/124/Add.1, G/SPS/N/TZA/452/Add.1, G/SPS/N/UGA/441/Add.1

⁴ G/SPS/N/BDI/130/Add.1, G/SPS/N/KEN/333/Add.1, G/SPS/N/RWA/123/Add.1, G/SPS/N/TZA/450/Add.1, G/SPS/N/UGA/440/Add.1

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu chứng nhận đối với giống khoai lang (<i>Ipomoea batatas</i> (L) Lam) ở các cấp độ: giống siêu nguyên chủng (pre-basic), nguyên chủng (basic) và cấp xác nhận (certified). Cụ thể, tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu về: các giống đủ điều kiện và thủ tục đăng ký chứng nhận; yêu cầu về đồng ruộng và công tác kiểm tra đồng ruộng; kiểm tra bảo quản; kích cỡ, phân loại, đóng gói và ghi nhãn.
8	G/SPS/N/CHE/85/Add.1/Corr.1	ATTP	Thụy Sĩ	09/9/2006	Thụy Sĩ thông báo đính chính đối với quy định về phụ gia thực phẩm.	Thụy Sĩ thông báo đính chính đối với thông báo số G/SPS/N/CHE/85/Add.1 ngày 03/7/2006 liên quan đến quy định về phụ gia thực phẩm. Theo đó, Thụy Sĩ làm rõ rằng đoạn văn bản đề cập đến titanium dioxide trong thông báo G/SPS/N/CHE/85/Add.1 bị đưa vào do sơ suất sao chép nhầm từ thông báo gốc G/SPS/N/CHE/85 và cần được loại bỏ. Dự thảo sửa đổi hoàn toàn không đưa bất kỳ thay đổi nào liên quan đến titanium dioxide. Nội dung sửa đổi của dự thảo chỉ tập trung vào việc cập nhật các quy định về phụ gia được phép sử dụng trong các nhóm thực phẩm, đồng thời sửa đổi quy định và điều kiện sử dụng đối với các chất mang trong phụ gia, enzyme, hương liệu, vitamin và khoáng chất.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
9	G/SPS/N/GEO/36	CNTY	Gru-di-a	03/9/2026	Gru-di-a ban hành Quy định sửa đổi về danh sách các quốc gia/cơ sở được cấp phép nhập khẩu các sản phẩm thuộc diện kiểm soát thú y.	Gru-di-a ban hành Quy định sửa đổi về danh sách các quốc gia/cơ sở được cấp phép nhập khẩu các sản phẩm thuộc diện kiểm soát thú y. Quy định số 397 ngày 18/8/2026 sửa đổi Quy định số 426 năm 2010 về quy tắc, điều kiện cấp giấy phép và mẫu giấy phép của Cơ quan Doanh thu và Cơ quan An toàn thực phẩm quốc gia Gru-di-a. Theo đó, đến ngày 01/9/2032, Cơ quan An toàn thực phẩm quốc gia Gru-di-a có thể đưa vào danh sách các quốc gia/cơ sở xuất khẩu đã có quan hệ thương mại với Gru-di-a về nhập khẩu sản phẩm cụ thể thuộc diện kiểm soát thú y trong giai đoạn từ 01/9/2024 đến 01/9/2026, trên cơ sở các bảo đảm về an toàn dịch tễ. Quy định này không áp dụng đối với các quốc gia/cơ sở đã được Cơ quan An toàn thực phẩm quốc gia Gru-di-a cấp phép theo quy định hiện hành. Biện pháp áp dụng đối với các nhóm sản phẩm gồm động vật sống; thịt và phụ phẩm ăn được; cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật thủy sinh không xương sống khác; sữa và sản phẩm từ sữa; trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; các sản phẩm có nguồn gốc động vật khác; cùng chất béo, dầu có nguồn gốc động vật, thực vật hoặc vi sinh vật và sáp động vật hoặc thực vật. Quy định có hiệu lực kể từ ngày 18/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
10	G/SPS/N/EU/933/Add.1	ATTP	Liên minh châu Âu	03/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng đối với tổng hàm lượng furan, 2-methylfuran và 3-methylfuran trong thực phẩm chế biến từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và thực phẩm dành cho trẻ em	Liên minh châu Âu ban hành Quy định sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với tổng hàm lượng furan, 2-methylfuran và 3-methylfuran trong thực phẩm chế biến từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và thực phẩm dành cho trẻ em. Quy định (EU) 2026/1890 ngày 29/7/2026 sửa đổi Quy định (EU) 2023/915 về mức MRL đối với một số chất gây ô nhiễm trong thực phẩm. Theo quy định mới, mức MRL đối với tổng hàm lượng các chất trên, được biểu thị dưới dạng furan, là 40 µg/kg đối với thực phẩm chế biến từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; 30 µg/kg đối với thực phẩm dành cho trẻ em có thành phần từ sữa và trái cây, khi sản phẩm chứa ít nhất 80% sữa, trái cây hoặc hỗn hợp sữa và trái cây; và 80 µg/kg đối với các loại thực phẩm khác dành cho trẻ em. Tổng hàm lượng được tính theo công thức: $\text{furan} + 0,83 \times 2\text{-methylfuran} + 0,83 \times 3\text{-methylfuran}$. Quy định đồng thời bổ sung thời gian chuyển tiếp đối với các sản phẩm đã được đưa hợp pháp ra thị trường trước ngày áp dụng quy định mới, cho phép các sản phẩm này tiếp tục được lưu hành đến hết thời hạn sử dụng hoặc hạn sử dụng tối thiểu. Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau ngày được công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu và áp dụng từ ngày 01/01/2028.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
11	G/SPS/N/JPN/1414/Add.1	ATTP	Nhật Bản	01/9/2026	Nhật Bản ban hành sửa đổi Tiêu chuẩn và quy cách đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan theo Luật Vệ sinh thực phẩm.	Dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn và quy cách đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan theo Luật Vệ sinh thực phẩm thông báo trước đây tại số G/SPS/N/JPN/1414 ngày 29/5/2026 đã được Nhật Bản ban hành và có hiệu lực từ ngày 28/8/2026. Nội dung sửa đổi tập trung vào tiêu chuẩn đối với các dung dịch sử dụng để kiểm tra hoạt tính của Fructosyl Transferase và Glutaminase, đồng thời sửa đổi các tiêu chuẩn áp dụng đối với hai phụ gia này, cụ thể: Nhật Bản quy định tiêu chuẩn đối với dung dịch tiền xử lý xác định L-glutamic acid và sửa đổi thành phần của dung dịch xác định L-glutamic acid. Đối với phép thử hoạt tính của Fructosyl Transferase, sửa đổi lượng dung dịch sử dụng và thời gian để hỗn hợp ở nhiệt độ phòng. Đối với phép thử hoạt tính của Glutaminase, sửa đổi dung dịch sử dụng, thể tích mẫu, thời gian phản ứng và bước sóng đo độ hấp thụ từ 600 nm xuống 555 nm.
12	G/SPS/N/KEN/365/Add.1	CLCB, TTBVTV	Cộng hòa Kê-ni-a	01/9/2026	Cộng hòa Kê-ni-a thông báo việc thông qua Tiêu chuẩn KS 2744:2026 về quy định kỹ thuật đối với chè orthodox.	Cộng hòa Kê-ni-a thông báo việc thông qua Tiêu chuẩn KS 2744:2026 về quy định kỹ thuật đối với chè orthodox. Theo đó, dự thảo Tiêu chuẩn KS 2744:2025 đã thông báo trước đó tại số G/SPS/N/KEN/365 ngày 02/4/2026 đã được cộng hòa Kê-ni-a thông qua và công bố là Tiêu chuẩn KS 2744:2026 vào ngày 07/8/2026 trên Công báo Kê-ni-a số 12185.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
13	G/SPS/N/KEN/352/Add.1	TSKN, CLCB	Cộng hòa Kê-ni-a	01/9/2026	Cộng hòa Kê-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn KS 1564:2026 về xử lý, chế biến, bảo quản và phân phối động vật thân mềm có vỏ.	Cộng hòa Kê-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn KS 1564:2026 về xử lý, chế biến, bảo quản và phân phối động vật thân mềm có vỏ. Theo đó, dự thảo Tiêu chuẩn DKS 1564:2025 đã thông báo trước đó tại số G/SPS/N/KEN/352 ngày 18/11/2025 đã được cộng hòa Kê-ni-a thông qua và công bố là Tiêu chuẩn KS 1564:2026 (ấn bản thứ hai) vào ngày 07/8/2026 trên Công báo Kê-ni-a số 12185.

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Bộ Công Thương.